

Số: 149/2024/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Ngọc Tường

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Phạm Thị Hồng Hương

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 458/2008/TLST-DS ngày 14/8/2008 về việc “Tranh chấp thừa kế và tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: số mới 119 (số cũ 310), ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: 1 N, thuộc KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn D (có mặt) và Luật sư Nguyễn Thành T (vắng mặt), thuộc Công ty L3 – Đoàn Luật sư Thành phố H.

Cùng địa chỉ: Lầu A, số A N, thuộc KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: A N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Mạnh K1, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: A N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Bảo T1 (có mặt), Công ty L4 - Đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: E N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông Nguyễn Lý T2, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Iluhmatt S 3a, 6033 B, S.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà Nguyễn Lý Ngọc T3, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: G - F E, S.

Địa chỉ liên lạc: I H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.2. Bà Nguyễn Lý Ngọc T3, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: G - F E, S.

Địa chỉ liên lạc: I H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T3: Luật sư Lê Thị Quỳnh A (có mặt) – Công ty L5 và Cộng sự

Địa chỉ: Lầu G, số I T, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.3. Ông Nguyễn Mạnh K1, sinh năm 1985 (có mặt)

1.3.4. Bà Phạm Thị Anh T4, sinh năm 1987 (có mặt)

1.3.5. Trẻ Nguyễn Phạm Như T5, sinh năm 2010 (vắng mặt)

1.3.6. Trẻ Nguyễn Phạm Hoàng L, sinh năm 2014 (vắng mặt)

1.3.7. Trẻ Nguyễn Phạm Hoàng Y, sinh năm 2014 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A N, khu phố F, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ T5, trẻ L, trẻ Y: ông Nguyễn Mạnh K1 (có mặt) và bà Phạm Thị Anh T4 (có mặt)

Cùng địa chỉ: A N, khu phố F, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.8. Bà Trương Thị S, sinh năm 1934 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 16603 Glenburn A, CA 90504 – 1737, USA.

1.3.9. Ông Nguyễn Huỳnh Đức T6, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: 6281 S, B, CA 90620, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T6: Bà Nguyễn Lý Ngọc T3, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: G - F E, S.

Địa chỉ liên lạc: 1 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.10. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 Grand Junction Rd O, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C:

1.3.10.1. Ông Nguyễn Trần Sơn L1, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 1 T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.10.2. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng địa chỉ liên lạc: A H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Luật sư Phạm Thái L2 (có mặt), Văn phòng Luật sư Trần Thị Hồng V và Cộng sự - Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: A H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.11. Bà Cao Thị Lệ T7, sinh năm 1965 (vắng mặt)

1.3.12. Ông Võ Hoàng Đ, sinh năm 1997 (vắng mặt)

1.3.13. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

1.3.14. Bà Dương Thị Thu V1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

1.3.15. Bà Phan Thị Quế T8, sinh năm 2002 (vắng mặt)

1.3.16. Bà Hà Thị Cẩm T9, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Cùng tạm tại địa chỉ: số B N, khu phố F, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.17. Bà Từ Thu H2, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, L, P, Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông Phan Văn N, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 1 N, thuộc KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2: Luật sư **Trần Văn D** (có mặt) và Luật sư **Nguyễn Thành T** (vắng mặt), thuộc **Công ty L3 – Đoàn Luật sư Thành phố H**.

Cùng địa chỉ: **Lầu A, số A N, thuộc KĐT V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

1.3.18. Bà **Lý Thị Ngọc V2**, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: **1 H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

1.3.19. Bà **Lương Thương T10**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Số B Carrum st M Australia**.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định nhà đất tại **số A N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **số A N, Khu phố F, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5513/2002 do **Ủy ban nhân dân Thành phố H** cấp ngày 06/3/2002 là di sản của ông **Nguyễn Văn T11** và bà **Huỳnh Thị P** chết để lại.

2.2. Xác định nhà đất tại **số A Khu phố F, Thị trấn A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **số B N, Khu phố F, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 843/2002 do **Ủy ban nhân dân huyện B** cấp ngày 09/7/2002 là di sản của ông **Nguyễn Văn T11** chết để lại.

2.3. Ông **Nguyễn Văn T11**, chết năm 2002 và bà **Huỳnh Thị P** chết năm 1988 không để lại di chúc.

2.4. Hàng thừa kế thứ nhất của ông **Nguyễn Văn T11** gồm: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1962, bà **Nguyễn Lý Ngọc T3**, sinh năm 1981, ông **Nguyễn Lý T2**, sinh năm 1978, ông **Nguyễn Huỳnh Đức T6**, sinh năm 1985, ông **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 1989, ông **Nguyễn Mạnh K1**, sinh năm 1985.

2.5. Hàng thừa kế thứ nhất của bà **Huỳnh Thị P** là ông **Nguyễn Văn T11** (chết năm 2002) và bà **Nguyễn Thị S1**, sinh năm 1934. Bà **Nguyễn Thị S1** đã có văn bản khước từ di sản thừa kế đối với di sản bà **S1** được hưởng của bà **P** theo Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà **Trương Thị S** có chứng nhận của Công chứng viên ngày 09/7/2023 được **T13** tại **S, Hoa Kỳ** xác nhận ngày 03/10/2023.

2.6. Ông Nguyễn Văn C (ủy quyền cho ông Nguyễn Trần Sơn L1 đại diện) đồng ý giao ngay tại phiên tòa bản chính hai Giấy chứng nhận gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5513/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 06/3/2002 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 843/2002 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/7/2002 cho các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T11.

2.7. Các đồng thừa kế tại mục 2.4 của ông Nguyễn Văn T11 đồng ý đề ông Nguyễn Tuấn K và ông Nguyễn Mạnh K1 được đại diện các đồng thừa kế nhận bản chính hai Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do ông Nguyễn Văn C giao lại, cụ thể:

2.7.1. Ông Nguyễn Tuấn K được đại diện các đồng thừa kế nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 843/2002 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 9/7/2002, đứng tên ông Nguyễn Văn T11.

2.7.2. Ông Nguyễn Mạnh K1 được đại diện các đồng thừa kế nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 5513/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 06/03/2002, đứng tên ông Nguyễn Văn T11 và bà Huỳnh Thị P.

2.8. Sau khi nhận 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên từ ông Nguyễn Văn C (do ông Nguyễn Trần Sơn L1 đại diện giao), ông Nguyễn Tuấn K và ông Nguyễn Mạnh K1 được cùng nhau đại diện các đồng thừa kế liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc cập nhật, đăng bộ sang tên hai ông (Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Mạnh K1) trên 02 Giấy chứng nhận tại mục 2.7.1 và 2.7.2; được liên hệ và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục mua bán, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; được lập, ký tên trên hợp đồng mua bán, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng; liên hệ và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục khai, nộp thuế theo quy định pháp luật và được nhận toàn bộ số tiền mua bán, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ Bên mua, nhận chuyển nhượng.

2.9. Sau khi hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất nêu trên, ông Nguyễn Tuấn K và ông Nguyễn Mạnh K1 đại diện cho các đồng thừa kế có nghĩa vụ liên hệ và thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ của ông Nguyễn Văn T11, như sau:

2.9.1. Thanh toán cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.000.000.000 đ (bốn tỷ đồng).

2.9.2. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) mà bà H đã thay mặt các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T11 thanh toán cho bà Hoàng Thị Kim G.

2.9.3. Thanh toán cho bà Nguyễn Lý Ngọc T3 và ông Nguyễn Lý T2 số tiền là: 294.587.505 đồng (hai trăm chín mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm lẻ năm đồng) mà bà T3 và ông T2 đã thay mặt các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T11 thanh toán cho bà Đ1 Nguyễn Thị T12.

2.10. Sau khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản tiền nêu trên, số tiền còn lại sẽ được chia đều cho 6 đồng thừa kế gồm có: bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Lý T2, bà Nguyễn Lý Ngọc T3, ông Nguyễn Mạnh K1, ông Nguyễn Tuấn K và ông Nguyễn Huỳnh Đức T6, mỗi người được hưởng 1/6 giá trị.

2.11. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nếu ông Nguyễn Tuấn K và ông Nguyễn Mạnh K1 không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng nhà đất hoặc việc mua bán, chuyển nhượng không được, các đồng thừa kế tại mục 2.4 và ông Nguyễn Văn C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi đối với 02 căn nhà, đất nêu trên, sau khi trừ phí, chi phí phát mãi, các khoản tiền tại mục 2.9.1, 2.9.2, 2.9.3, số tiền còn lại sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ mỗi người được 1/6 giá trị.

2.12. Về chi phí tố tụng do nguyên đơn tạm ứng, nguyên đơn tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

2.13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.13.1. Ông Nguyễn Tuấn K, ông Nguyễn Lý T2, bà Nguyễn Lý Ngọc T3, ông Nguyễn Mạnh K1 và ông Nguyễn Huỳnh Đức T6 mỗi người chịu án phí dân sự sơ thẩm là 107.383.678 đ (một trăm lẻ bảy triệu, ba trăm tám mươi ba

ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng).

2.13.2. Bà **Nguyễn Thị Thu H** được miễn toàn bộ án phí do là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí.

2.13.3. **H3** lại cho ông **Nguyễn Tuấn K** số tiền 5.250.000 đồng theo biên lai thu số 0032602 ngày 13/3/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.13.4. **H3** lại cho bà **Nguyễn Thị Thu H** số tiền 7.931.958 đồng theo biên lai thu số 0048175 ngày 17/11/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.13.5. **H3** lại cho ông **Nguyễn Văn C** số tiền 50.473.600 đồng theo biên lai thu số 04669 ngày 07/01/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.13.6. **H3** lại cho ông **Nguyễn Lý T2** và bà **Nguyễn Lý Ngọc T3** số tiền tạm ứng án phí 4.909.792 đồng do ông **Nguyễn Mạnh K1**, bà **Nguyễn Thị Như H4** nộp theo biên lai thu số 0048176 ngày 17/11/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.13.7. **H3** lại cho bà **Nguyễn Lý Ngọc T3** số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0031767 ngày 29/01/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường